

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST.

Ngày: 21 - 7 - 2025.

V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tùng Châu.

Bà Dương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Cẩm Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 302/2025/QĐST-DS ngày 24/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C (Gọi tắt là Ngân hàng).

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 108, đường Đ, phường N, quận K (nay là phường N), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Nguyễn Trọng L - Chức vụ: Phó Giám đốc - Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Vĩnh Long.

Nơi làm việc: Số 01, đường H, Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long, ông L có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phùng Cẩm L, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị Kim T, sinh

năm 1985; Cùng nơi cư trú: Số nhà 05, đường H, Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long, các đương sự vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phùng Thị Ngọc T, sinh năm 1977; bà Phạm Thị Minh N, sinh năm 1956 và bà Phùng Thị T, sinh năm 1949; Cùng nơi cư trú: Số nhà 05, đường H, Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long, các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2024 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Vào ngày 26/9/2017 Ngân hàng và anh L, chị T có ký với nhau hợp đồng tín dụng số 359/2027/HĐCV/NHCT800 để vay số tiền 1.400.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 240 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên là ngày 26/9/2017, mục đích vay là để bù đắp chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, lãi suất cho vay là áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh (lãi cho vay thả nổi): Lãi vay trong hạn là lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng trả sau + biên độ 5,0%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cho vay tại thời điểm ký nhận nợ là 9%/năm.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 359/2017/HĐCV/NHCT800, ngày 26/9/2017 anh L và chị T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 176, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khóm H, Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do anh L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, văn bản sửa đổi bổ sung số 03/2018-HĐCV-SĐBS ngày 03/4/2019 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 83/2019/HĐBĐ/NHCT800 ngày 03/4/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01-83/HĐBĐ/NHCT800 ngày 31/8/2020. Ngân hàng thực hiện thủ tục thế chấp tài sản của anh L và chị T đúng theo quy định pháp luật, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 359/2027/HĐCV/NHCT800, ngày 26/9/2017 anh L, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi từ ngày 26/11/2024 đến nay. Tính đến ngày 21/7/2025 anh L, chị T còn nợ Ngân hàng số tiền là 867.046.575 đồng, trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi là 67.046.575 đồng.

Vào ngày 14/9/2020 Ngân hàng và anh L, chị T đã ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 379/2020/HĐCV/NHCT800 để vay số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 240 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên là ngày 15/9/2020, mục đích vay là thanh toán chi phí đã ứng vốn tự có để nhận quyền sử dụng đất, lãi suất cho vay là áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh (lãi cho vay thả nổi): Lãi vay trong hạn là lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng trả sau + biên độ 5,0%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cho vay tại thời điểm ký nhận nợ là 10%/năm.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 379/2020/HĐCV/NHCT800, ngày 14/9/2020 anh L và chị T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 176, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khóm H, Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do anh Luận đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và thửa đất số 523, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do bà Phùng Thị Ngọc T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 386/2020/HĐBĐ/NHCT800 ngày 31/8/2020. Ngân hàng thực hiện thủ tục thế chấp tài sản của anh L và bà T đúng theo quy định pháp luật, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 379/2020/HĐCV/NHCT800, ngày 14/9/2020 anh L, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi từ ngày 14/11/2024 đến nay. Tính đến ngày 21/7/2025 anh L, chị T còn nợ Ngân hàng số tiền là 779.803.463 đồng, trong đó nợ gốc là 716.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 62.872.915 đồng, nợ lãi quá hạn là 680.548 đồng.

Vào ngày 26/9/2023 Ngân hàng và anh L, chị T đã ký với nhau hợp đồng cho vay hạn mức số 379/2023 - HĐCVHM/NHCT800 để vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày 26/9/2023 đến ngày 26/6/2024, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động mua bán phụ tùng xe gắn máy, lãi suất cho vay là áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh (lãi cho vay thả nổi): Lãi vay trong hạn là lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 06 tháng trả sau + biên độ 5,0%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cho vay tại thời điểm ký nhận nợ là 09%/năm.

Để đảm bảo cho hợp đồng cho vay hạn mức số 379/2023 - HĐCVHM/NHCT800 anh L và chị T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 176, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khóm H, Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do anh L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và thửa đất số 523, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do bà Phùng Thị Ngọc T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 386/2020/HĐBĐ/NHCT800 ngày 31/8/2020. Ngân hàng thực hiện thủ tục thế chấp tài sản của anh L và bà T đúng theo quy định pháp luật, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay hạn mức số 379/2023 - HĐCVHM/NHCT800 anh L, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi từ ngày 07/10/2024 đến nay. Tính đến ngày 21/7/2025 anh L, chị Kim T còn nợ Ngân hàng số tiền là 2.217.430.214 đồng, trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 146.663.090 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.767.123 đồng.

Tính đến ngày 21/7/2025 anh L, chị T còn nợ Ngân hàng số tiền của các Hợp đồng số 359/2017/HĐCV/NHCT800 ngày 26/9/2017; Hợp đồng số 379/2020/HĐCV/NHCT800 ngày 14/9/2020 và Hợp đồng số 379/2023/HĐCVHM/NHCT800 ngày 26/9/2023 là 3.864.280.252 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 3.516.250.000 đồng, tiền lãi là 348.030.252 (tiền nợ lãi trong hạn là 276.582.581 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 71.447.671 đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu anh L, chị T thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng anh L, chị T không thực hiện. Ngân hàng đã thông báo cho anh L, chị T biết các hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh Phùng Cẩm L, chị Nguyễn Thị Kim T trả cho Ngân hàng tổng số tiền của các Hợp đồng, tính đến ngày 21/7/2025 là 3.846.280.252 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 3.516.250.000 đồng, tiền lãi là 348.030.252 (tiền nợ lãi trong hạn là 276.582.581 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 71.447.671 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 22/7/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp anh Phùng Cẩm L, chị Nguyễn Thị Kim T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không hết nợ vay thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 83/2019/HĐBĐ/NHCT800 ngày 03/4/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01-83/2019/HĐBĐ/NHCT800 ngày 31/8/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 386/2020/HĐBĐ/NHCT800, ngày 31/8/2020.

Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và phải chịu án phí; chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Phùng Cẩm L, chị Nguyễn Thị Kim T trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long; anh L, chị T có đăng ký thường trú tại thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời,

Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện cho vay đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện anh Phùng Cẩm L, chị Nguyễn Thị Kim T có vay của Ngân hàng TMCP C số tiền 4.300.000.000 đồng là sự thật, theo các hợp đồng (Hợp đồng tín dụng số 359/2017/HĐCV/NHCT800 ngày 26/9/2017; Hợp đồng tín dụng số 379/2020/HĐCV/NHCT800 ngày 14/9/2020 và Hợp đồng tín dụng số 379/2023 - HĐCVHM/NHCT800 ngày 29/6/2023), khi thực hiện trả nợ theo định kỳ anh L, chị T thực hiện không đúng, tính đến ngày 21/7/2025 anh L, chị T còn nợ ngân hàng số tiền 3.846.280.252 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 3.516.250.000 đồng, tiền lãi là 348.030.252 (tiền nợ lãi trong hạn là 276.582.581 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 71.447.671 đồng), nên ngân hàng kiện yêu cầu anh L, chị T trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Ngân hàng còn yêu cầu anh L, chị T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 22/7/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận. Ngoài ra, ngân hàng còn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp, nếu anh Phùng Cẩm L, chị Nguyễn Thị Kim T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không hết nợ vay cho Ngân hàng (Hợp đồng thế chấp số 83/2019/HĐBĐ/NHCT800 ngày 03/4/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01-83/2019/HĐBĐ/NHCT800 ngày 31/8/2020 và Hợp đồng thế chấp số 386/2020/HĐBĐ/NHCT800, ngày 31/8/2020). Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 176, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khóm H, Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do anh L đứng tên quyền sở hữu và Thửa đất số 523, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do bà Phùng Thị Ngọc T đứng tên quyền sở hữu.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn và xét thấy việc xem xét, thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền là 1.000.000 đồng, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền nêu trên là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 và khoản 1 Điều 58 của Bộ luật Tố tụng dân sự, số tiền này nguyên đơn đã tạm nộp trước, nên buộc bị đơn nộp để trả lại cho nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, Kiểm sát viên đề nghị khoản nợ 2.000.000.000 đồng của Hợp đồng 379/2023...ngày 26/9/2023 là của cá nhân chị T là chưa hợp lý, mà cần buộc anh L phải liên đới chịu trách nhiệm với khoản nợ nêu trên cùng chị T mới là phù hợp. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có nhận xét, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; khoản 1 Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc anh Phùng Cẩm L, chị Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc là 3.516.250.000 đồng (*ba tỉ năm trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

- Tiền nợ lãi trong hạn là 276.582.581 đồng (*hai trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm tám mươi hai ngàn năm trăm tám mươi một đồng*).

- Tiền nợ lãi quá hạn là 70.447.671 đồng (*bảy mươi triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng*).

Tổng cộng là 3.864.280.252 đồng (*ba tỉ tám trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm tám chục ngàn hai trăm năm mươi hai đồng*).

Kể từ ngày 22/7/2025 anh Phùng Cẩm L, chị Nguyễn Thị Kim T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng số 359/2017/HĐCV/NHCT800 ngày 26/9/2017; Hợp đồng tín dụng số 379/2020/HĐCV/NHCT800 ngày 14/9/2020 và Hợp đồng tín dụng số 379/2023 - HĐCVHM/NHCT800 ngày 29/6/2023.

Trường hợp, các hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP C, thì lãi suất mà anh L và chị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP C theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP C.

Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu anh L và chị T không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng, các tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 176, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khóm H, Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do anh Phùng Cẩm L đứng tên quyền sử dụng và Thửa đất số 523, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Phường M, thành phố V (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do bà Phùng Thị Ngọc T đứng tên quyền sử dụng (theo Hợp đồng thế chấp số 83/2019/HĐBĐ/NHCT800 ngày 03/4/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01-83/2019/HĐBĐ/NHCT800 ngày 31/8/2020 và Hợp đồng thế chấp số 386/2020/HĐBĐ/NHCT800, ngày 31/8/2020).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc anh Phùng Cẩm L, chị Nguyễn Thị Kim T nộp 109.285.500 đồng (*một trăm lẻ chín triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 51.909.000 đồng (*năm mươi mốt triệu chín trăm lẻ chín ngàn đồng*) ngân hàng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0007611 ngày 10/01/2025 được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C.

- Buộc anh Phùng Cẩm L, chị Nguyễn Thị Kim T nộp 1.000.00 đồng (*một triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này được trả lại cho Ngân hàng TMCP C.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 1-Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS có thẩm quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng